

Số: 126 /HD-HKH

Điện Biên, ngày 10 tháng 9 năm 2024

HƯỚNG DẪN

Tổ chức đánh giá, công nhận các Danh hiệu “Gia đình học tập”, “Dòng họ học tập”, “Cộng đồng học tập” cấp thôn/bản/tổ dân phố...và “Công dân học tập” trên địa bàn xã, phường, thị trấn của tỉnh Điện Biên

Căn cứ Quyết định số 387/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình “Đẩy mạnh phong trào học tập suốt đời trong gia đình, dòng họ, cộng đồng, đơn vị giai đoạn 2021-2030”; Quyết định số 677/QĐ-TTg ngày 3 tháng 6 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình “Xây dựng mô hình Công dân học tập giai đoạn 2021-2030”;

Căn cứ Kế hoạch số 1238/KH-UBND ngày 28 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Chương trình ban hành theo Quyết định 387/QĐ-TTg, Kế hoạch số 2227/KH-UBND ngày 18 tháng 7 năm 2022 của UBND tỉnh triển khai thực hiện Chương trình Ban hành theo Quyết định 677/QĐ-TTg;

Căn cứ Kế hoạch số 123/KH-HKHVN ngày 14 tháng 4 năm 2022 của Hội Khuyến học Việt Nam triển khai Chương trình 387 và Quy định tiêu chí công nhận các mô hình học tập ban hành theo Kế hoạch; Kế hoạch số 196/KH-KHVN ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Hội Khuyến học Việt Nam triển khai Chương trình 677 và Bộ tiêu chí khung và chỉ số đánh giá mô hình “Công dân học tập” cùng Tiêu chí đánh giá “Công dân học tập” áp dụng cho các nhóm đối tượng người lao động thuộc 3 khu vực ban hành theo Kế hoạch;

Căn cứ các Quyết định của Hội Khuyến học Việt Nam: số 242/QĐ-KHVN ngày 28 tháng 7 năm 2022 ban hành Bộ tiêu chí và Hướng dẫn đánh giá, công nhận các danh hiệu “Gia đình học tập”, “Dòng họ học tập”, “Cộng đồng học tập”, “Đơn vị học tập” giai đoạn 2021-2030; số 324/QĐ-KHVN ngày 25 tháng 10 năm 2023 Ban hành Bộ tiêu chí và Hướng dẫn đánh giá, công nhận danh hiệu “Công dân học tập” giai đoạn 2021 - 2030.

Căn cứ Thông tư số 24/2023/TT-BGDĐT ngày 11/12/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về đánh giá, công nhận “Đơn vị học tập” cấp huyện, tỉnh; Thông tư số 25/2023/TT-BGDĐT ngày 26/12/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về đánh giá, công nhận “Cộng đồng học tập” cấp xã, huyện, tỉnh.

Để thống nhất trong quá trình triển khai áp dụng Bộ tiêu chí và Quy trình đánh giá các mô hình học tập chung cho tất cả các địa phương trong tỉnh, Hội Khuyến học tỉnh hướng dẫn việc tổ chức đánh giá, công nhận các Danh hiệu “Gia đình học tập”, “Dòng họ học tập”, “Cộng đồng học tập” cấp thôn/bản/tổ dân phố và Danh hiệu “Công dân học tập” trong giai đoạn từ 2024 - 2030 như sau:

I. Mục đích

1. Động viên, khuyến khích đẩy mạnh phong trào học tập suốt đời của các mô hình học tập ở cơ sở đã xây dựng và xây dựng mô hình công dân học tập, tạo điều kiện, cơ hội cho mọi người được học tập thường xuyên, học tập suốt đời.

2. Tham mưu cho cấp ủy, chính quyền, tổ chức chính trị - xã hội các cấp chỉ đạo tổ chức khuyến học các cấp lập kế hoạch, xây dựng các mô hình học tập phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, khu vực, vùng.

3. Giúp Ủy ban nhân dân xã tổ chức đánh giá, công nhận các Danh hiệu “Gia đình học tập”, “Dòng họ học tập”, “Cộng đồng học tập” cấp thôn/bản/tổ dân phố và Danh hiệu “Công dân học tập” trên địa bàn cấp xã, góp phần xây dựng địa phương trở thành một xã hội học tập.

II. Đánh giá, công nhận các danh hiệu “Gia đình học tập”, “Dòng họ học tập”, “Cộng đồng học tập” cấp thôn/bản/tổ dân phố và “Công dân học tập” ở trên địa bàn cấp xã

1. Tiêu chí đánh giá, công nhận Danh hiệu học tập

1.1. Tiêu chí đánh giá, công nhận Danh hiệu “Gia đình học tập”

1.1.1. Kết quả học tập của gia đình (gồm 5 chỉ số đánh giá).

1.1.2. Điều kiện học tập của gia đình (gồm 2 chỉ số đánh giá).

1.1.3. Tác dụng của học tập đối với gia đình (gồm 2 chỉ số đánh giá).

1.2. Tiêu chí đánh giá, công nhận Danh hiệu “Dòng họ học tập”

1.2.1. Kết quả học tập của dòng họ (gồm 3 chỉ số đánh giá).

1.2.2. Điều kiện học tập của dòng họ (gồm 2 chỉ số đánh giá).

1.2.3. Tác dụng của học tập đối với dòng họ (gồm 2 chỉ số đánh giá).

1.3. Tiêu chí đánh giá, công nhận Danh hiệu “Cộng đồng học tập” cấp thôn/bản/tổ dân phố

1.3.1. Kết quả học tập của cộng đồng (gồm 3 chỉ số đánh giá).

1.3.2. Điều kiện học tập của cộng đồng (gồm 3 chỉ số đánh giá).

1.3.3. Tác dụng của học tập đối với cộng đồng (gồm 2 chỉ số đánh giá).

1.4. Tiêu chí đánh giá, công nhận Danh hiệu “Công dân học tập”

1.4.1. Năng lực tự học, học tập suốt đời (gồm 4 chỉ số đánh giá).

1.4.2. Năng lực sử dụng công cụ học tập, làm việc (gồm 4 chỉ số đánh giá).

1.4.3. Năng lực xây dựng và thực hiện các mối quan hệ xã hội (gồm 2 chỉ số đánh giá).

(Phụ lục Hướng dẫn đánh giá cụ thể từng mô hình học tập kèm theo)

2. Nguyên tắc đánh giá, công nhận các Danh hiệu “Gia đình học tập”, “Dòng họ học tập”, “Cộng đồng học tập” cấp thôn/bản/tổ dân phố trên địa bàn cấp xã

2.1. Chỉ xét công nhận các Danh hiệu “Gia đình học tập”, “Dòng họ học

tập”, “Cộng đồng học tập” và “Công dân học tập” đối với gia đình, dòng họ, thôn/bản/tổ dân phố và các công dân học tập trên địa bàn xã có đăng ký.

2.2. Việc bình xét và công nhận thực hiện một cách dân chủ, công khai, đúng quy trình.

2.3. Với các chỉ số đánh giá, nếu không đạt đầy đủ thì không cho điểm tối đa. Tùy vào mức độ đạt được cụ thể để xác định mức điểm tương xứng. Riêng với chỉ số 5 thuộc tiêu chí I của mô hình “Gia đình học tập”; chỉ số 3 thuộc tiêu chí I của mô hình “Dòng họ học tập”, chỉ số 2 thuộc tiêu chí I của mô hình “Cộng đồng học tập” mà không đạt đầy đủ thì cho điểm 0.

2.4. Việc đánh giá, công nhận các Danh hiệu cần bám sát các tiêu chí, kết quả đạt được, thông qua các minh chứng phù hợp với các tiêu chí quy định ở mục II của hướng dẫn này. Mỗi tiêu chí có các nội dung cần đánh giá theo các mức độ chỉ số đã đạt được và được hướng dẫn cách cho điểm cụ thể tại Phụ lục Hướng dẫn đánh giá, cho điểm các Danh hiệu.

2.5. Tổng số điểm tối đa cho mỗi Danh hiệu là 100 điểm. Các tiêu chí không có minh chứng phù hợp không được điểm.

3. Trình tự đăng ký và xét công nhận

3.1. Trình tự về thời gian thực hiện đăng ký và đánh giá công nhận danh hiệu “Gia đình học tập”, “Dòng họ học tập”, “Cộng đồng học tập” cấp thôn/bản/tổ dân phố

3.1.1. Tháng 01 hằng năm, các gia đình, dòng họ, cộng đồng cấp thôn/bản/tổ dân phố trên địa bàn xã quản lý đăng ký phần đầu các danh hiệu học tập.

3.1.2. Tháng 10 hằng năm, căn cứ tiêu chí đánh giá, công nhận “Gia đình học tập”, “Dòng họ học tập”, “Cộng đồng học tập” cấp thôn/bản/tổ dân phố, các gia đình, dòng họ, thôn/bản/tổ dân phố đã đăng ký tự đánh giá, chấm điểm.

3.1.3. Tháng 11 hằng năm, Ủy ban nhân dân xã chỉ đạo các Trưởng thôn/bản/tổ dân phố chủ trì, phối hợp với Chi hội khuyến học cơ sở và Ban công tác mặt trận tổ chức bình xét Danh hiệu “Công dân học tập”, “Gia đình học tập” và đề nghị công nhận Danh hiệu “Cộng đồng học tập” cấp thôn/bản/tổ dân phố; gửi hồ sơ kết quả đánh giá cho Hội Khuyến học xã tập hợp và trình Ủy ban nhân dân xã ban hành quyết định công nhận. Đối với Danh hiệu “Dòng họ học tập” ở cơ sở, Ủy ban nhân dân xã chủ trì, chỉ đạo Hội Khuyến học xã và đơn vị thường trực tổ chức bình xét, đề nghị công nhận.

3.2. Hồ sơ đề nghị xét công nhận

3.2.1. Bản tự chấm điểm của các gia đình, dòng họ, thôn/bản/tổ dân phố được đề nghị công nhận “Gia đình học tập”, “Dòng họ học tập”, “Cộng đồng học tập”.

2.2. Biên bản và công văn đề nghị kèm danh sách (vận dụng mẫu trong phụ lục tổng hợp của các mô hình học tập kèm theo) của các Trưởng thôn/bản/tổ dân phố đối với các Danh hiệu “Gia đình học tập”, “Cộng đồng học tập” cấp thôn/bản/tổ dân phố ở cơ sở.

3.2.3. Hội Khuyến học cấp xã tập hợp hồ sơ đã được bình chọn qua đánh giá trình UBND cấp xã ban hành Quyết định công nhận các mô hình học tập thuộc cấp xã quản lý.

3.3. Điều kiện được công nhận

3.3.1. Tổng số điểm của các tiêu chí của các mô hình học tập phải đạt từ 80 điểm trở lên.

3.3.2. Không có chỉ số bị điểm dưới 5.

3.4. Biểu dương, khen thưởng

- Danh sách các “Gia đình học tập”, “Dòng họ học tập”, “Cộng đồng học tập” cấp thôn/ bản/ tổ dân phố sẽ được công bố tại các địa phương.

- Các Danh hiệu được khen thưởng tùy theo điều kiện hoặc quy định của từng cơ sở.

4. Thẩm quyền và thời hạn công nhận

- Các Danh hiệu “Công dân học tập” trên địa bàn xã, “Gia đình học tập”, “Dòng họ học tập”, “Cộng đồng học tập” cấp thôn/bản/tổ dân phố do Ủy ban nhân dân xã quyết định công nhận mỗi năm 01 lần.

- Đối với công dân thuộc các cơ quan, đơn vị do cấp huyện, tỉnh, trung ương quản lý, thì thực hiện theo Quy định tại Quyết định 324/QĐ-KHVN ngày 25 tháng 10 năm 2023 của Hội Khuyến học Việt Nam. Công dân có kết quả đánh giá tại đơn vị nộp bản kết quả để làm cơ sở đánh giá công nhận gia đình, dòng họ, cộng đồng học tập cấp thôn/bản/tổ dân phố trên địa bàn cấp xã.

Cơ bản việc đánh giá, công nhận danh hiệu các mô hình học tập căn cứ vào bản tự kê khai, đánh giá của các mô hình. Các Chi hội/Ban Khuyến học phối hợp với Tổ dân phố (thôn, bản...)/cơ quan, đơn vị... sẽ thẩm định hồ sơ thông qua bản tự kê khai của các mô hình học tập, đánh giá mức độ hoàn thành theo chỉ số quy định để xác nhận kết quả.

III. Đánh giá công nhận “Công dân học tập”

1. Quan điểm, mục đích, yêu cầu chung

1.1. Mỗi công dân học tập là người biết tự học và coi trọng việc học tập; thông qua học tập suốt đời để thường xuyên cập nhật kiến thức chuyên môn - nghề nghiệp, hoàn thiện tay nghề, có tinh thần đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp, có ý thức lập thân, lập nghiệp nhằm cải thiện đời sống cá nhân, gia đình và cộng đồng, hướng tới công dân số, đóng góp tích cực cho xã hội.

1.2. Mọi công dân có trách nhiệm và quyền lợi được học tập thường xuyên, học suốt đời, tận dụng mọi cơ hội do xã hội mang lại để biến tri thức của nhân loại thành kiến thức của mình; tương tác, tạo điều kiện để người khác cùng học tập hiệu quả, góp phần xây dựng xã hội học tập, hướng tới xã hội số. Thực hiện tốt nội dung Phong trào thi đua xây dựng xã hội học tập do Thủ tướng phát động.

1.3. Các cơ quan nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề

nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức kinh tế, đơn vị lực lượng vũ trang, cộng đồng dân cư... có trách nhiệm thực hiện tốt Chỉ thị của Bộ Chính trị, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về khuyến học, khuyến tài và thực hiện các mô hình học tập, khuyến khích, tạo cơ hội công bằng và điều kiện thuận lợi cho mọi cá nhân trong tổ chức, đơn vị, gia đình, mọi công dân trong xã hội được tham gia học tập, nhất là các đối tượng chính sách, những người ở vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, người bị thiệt thòi, yếu thế trong xã hội. Thực hiện tốt nội dung Phong trào thi đua xây dựng xã hội học tập do Thủ tướng phát động.

2. Hướng dẫn đánh giá, công nhận danh hiệu “Công dân học tập”

2.1. Kỳ đánh giá, công nhận “Công dân học tập”

Việc đánh giá, công nhận “Công dân học tập” được thực hiện định kỳ hằng năm. Thời điểm lấy thông tin, số liệu để thực hiện việc đánh giá, chấm điểm được tính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 của năm đánh giá.

2.2. Cách thức đánh giá, công nhận “Công dân học tập”

2.2.1. Đối với người dân trong xã, người lao động và cán bộ công nhân viên, doanh nhân

Việc đánh giá, công nhận “Công dân học tập” đối với người dân trong xã, người lao động và cán bộ công nhân viên, doanh nhân bằng cách chấm điểm. Thang điểm đánh giá là 100. Thang điểm đánh giá được xác định cụ thể đối với từng chỉ tiêu đánh giá trong tiêu chí quy định tại Phụ lục II, Phụ lục III, Phụ lục IV. Mỗi chỉ tiêu đánh giá được cho điểm từ 1 đến điểm tối đa của chỉ tiêu đó. Các tiêu chí không có minh chứng phù hợp không được chấm điểm.

2.2.2. Đối với học sinh, sinh viên, học viên (người học)

Việc đánh giá, công nhận “Công dân học tập” đối với người học bằng cách đánh giá đạt hoặc không đạt. Đánh giá kết quả của từng chỉ tiêu trong các tiêu chí quy định tại Phụ lục V.

2.3. Điều kiện công nhận “Công dân học tập”

2.3.1. Đối với người dân trong xã

a) Người dân trong xã ở các xã thuộc vùng khó khăn được công nhận đạt danh hiệu “Công dân học tập” khi tổng số điểm đánh giá đối với từng tiêu chí, chỉ tiêu thành phần quy định tại Phụ lục II đạt từ 70 đến 100 điểm, trong đó không có chỉ tiêu bị điểm dưới 5.

b) Người dân trong xã ở các xã còn lại được công nhận đạt danh hiệu “Công dân học tập” khi tổng số điểm đánh giá đối với từng tiêu chí, chỉ tiêu thành phần quy định tại Phụ lục II đạt được từ 80 đến 100 điểm, trong đó không có chỉ tiêu bị điểm dưới 5.

2.3.2. Đối với người lao động

a) Người lao động ở các xã thuộc vùng khó khăn được công nhận đạt danh hiệu “Công dân học tập” khi tổng số điểm đánh giá đối với từng tiêu chí, chỉ tiêu

thành phần quy định tại Phụ lục III đạt từ 70 đến 100 điểm, trong đó không có chỉ tiêu bị điểm dưới 5.

b) Người lao động các xã còn lại được công nhận đạt danh hiệu “Công dân học tập” khi tổng số điểm đánh giá đối với từng tiêu chí, chỉ tiêu thành phần quy định tại Phụ lục III đạt được từ 80 đến 100 điểm, trong đó không có chỉ tiêu bị điểm dưới 5.

2.3.3. Đối với cán bộ công nhân viên, doanh nhân

Cán bộ công nhân viên, doanh nhân được công nhận đạt danh hiệu “Công dân học tập” khi tổng số điểm đánh giá đối với từng tiêu chí, chỉ tiêu thành phần quy định tại Phụ lục IV đạt từ 80 đến 100 điểm, trong đó không có chỉ tiêu bị điểm dưới 5.

2.4. Quy trình đánh giá, công nhận “Công dân học tập”

2.4.1. Quy trình đánh giá, công nhận “Công dân học tập” đối với người dân trong xã

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã giao Hội Khuyến học xã chủ trì tổ chức đánh giá, công nhận “Công dân học tập”;

b) Người dân trong xã thực hiện tự đánh giá, công nhận “Công dân học tập” theo các tiêu chí, chỉ tiêu quy định tại Phụ lục II và nộp bản tự đánh giá cho Hội khuyến học xã;

c) Hội Khuyến học xã xây dựng kế hoạch đánh giá; thành lập Tổ đánh giá, công nhận “Công dân học tập” (sau đây gọi chung là Tổ đánh giá);

d) Tổ đánh giá tổ chức cuộc họp xem xét, đánh giá, thống nhất kết quả tự đánh giá của người dân trong xã và xây dựng Báo cáo đánh giá, công nhận “Công dân học tập”, Bản tổng hợp danh sách người dân trong xã đáp ứng điều kiện công nhận đạt danh hiệu “Công dân học tập”;

đ) Căn cứ kết quả đánh giá của Tổ đánh giá, Hội Khuyến học xã lập tờ trình trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định công nhận người dân trong xã đạt danh hiệu “Công dân học tập”;

e) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định công nhận người dân trong xã đạt danh hiệu “Công dân học tập”.

2.4.2. Quy trình đánh giá, công nhận “Công dân học tập” đối với người lao động

a) Người lao động thực hiện tự đánh giá, công nhận “Công dân học tập” theo các tiêu chí, chỉ tiêu quy định tại Phụ lục III và nộp bản tự đánh giá cho Tổ đánh giá, công nhận “Công dân học tập” (sau đây gọi chung là Tổ đánh giá) do Thủ trưởng đơn vị thành lập;

b) Tổ đánh giá tổ chức cuộc họp xem xét, đánh giá, thống nhất kết quả tự đánh giá của các người lao động;

c) Tổ đánh giá xây dựng Báo cáo đánh giá, công nhận “Công dân học tập”, Bản tổng hợp danh sách người lao động đáp ứng điều kiện công nhận đạt danh hiệu “Công dân học tập” theo các tiêu chí, chỉ tiêu quy định tại Phụ lục III, trình Thủ trưởng đơn vị xem xét, quyết định công nhận;

d) Thủ trưởng đơn vị xem xét, quyết định công nhận người lao động đạt danh hiệu “Công dân học tập”.

2.4.3. Quy trình đánh giá, công nhận “Công dân học tập” đối với cán bộ công nhân viên, doanh nhân

a) Thủ trưởng đơn vị giao cho phòng/bộ phận chuyên môn, nghiệp vụ/tổ chuyên môn, tổ văn phòng/văn phòng, thanh tra, phòng chuyên môn, nghiệp vụ, ban/chi hội khuyến học (nếu có) hoặc các phòng, bộ phận, tổ khác thuộc cơ quan, đơn vị, cơ sở giáo dục (sau đây gọi chung là văn phòng) chủ trì tổ chức đánh giá, công nhận “Công dân học tập”;

b) Cán bộ công nhân viên, doanh nhân thực hiện tự đánh giá, công nhận “Công dân học tập” theo các tiêu chí, chỉ tiêu quy định tại Phụ lục IV và nộp bản tự đánh giá cho văn phòng;

c) Văn phòng xây dựng kế hoạch đánh giá; thành lập Tổ đánh giá, công nhận “Công dân học tập” (sau đây gọi chung là Tổ đánh giá);

d) Tổ đánh giá tổ chức cuộc họp xem xét, đánh giá, thống nhất kết quả tự đánh giá của các cán bộ công nhân viên, doanh nhân;

đ) Tổ đánh giá xây dựng Báo cáo đánh giá, công nhận “Công dân học tập”, Bản tổng hợp danh sách cán bộ công nhân viên, doanh nhân đáp ứng điều kiện công nhận đạt danh hiệu “Công dân học tập” theo các tiêu chí, chỉ tiêu quy định tại Phụ lục IV, trình Thủ trưởng đơn vị xem xét, quyết định công nhận;

e) Thủ trưởng đơn vị xem xét, quyết định công nhận cán bộ công nhân viên, doanh nhân đạt danh hiệu “Công dân học tập”.

2.4.4. Quy trình đánh giá, công nhận “Công dân học tập” đối với học sinh, sinh viên, học viên (người học).

a) Thủ trưởng đơn vị giao cho ban/chi hội khuyến học hoặc văn phòng (sau đây gọi là văn phòng) chủ trì tổ chức đánh giá, công nhận “Công dân học tập”;

b) Người học thực hiện tự đánh giá, công nhận “Công dân học tập” theo các tiêu chí, chỉ tiêu quy định tại Phụ lục V và nộp bản tự đánh giá cho văn phòng;

c) Văn phòng xây dựng kế hoạch đánh giá; thành lập Tổ đánh giá, công nhận “Công dân học tập” (sau đây gọi chung là Tổ đánh giá);

d) Tổ đánh giá tổ chức cuộc họp xem xét, đánh giá, thống nhất kết quả tự đánh giá của người học;

đ) Tổ đánh giá xây dựng Báo cáo đánh giá, công nhận “Công dân học tập”, Bản tổng hợp danh sách người học đáp ứng điều kiện công nhận đạt danh hiệu “Công dân học tập” theo các tiêu chí, chỉ tiêu quy định tại Phụ lục V, trình Thủ trưởng đơn vị xem xét, quyết định công nhận;

e) Thủ trưởng đơn vị xem xét, quyết định công nhận người học đạt danh hiệu “Công dân học tập”./.

IV. Tổ chức thực hiện

1. Hội Khuyến học tỉnh

1.1. Hằng năm xây dựng kế hoạch xây dựng các mô hình học tập, chỉ đạo các Hội Khuyến học cấp huyện xây dựng Kế hoạch từng năm tại địa phương.

1.2. Hướng dẫn triển khai các nội dung chuyên môn đến các cơ sở Hội theo hướng dẫn của Hội Khuyến học Việt Nam.

1.3. Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức kiểm tra tình hình thực hiện ở địa phương; tổ chức tư vấn và đánh giá kết quả thực hiện; tổ chức tổng hợp và báo cáo hàng năm với UBND tỉnh và Hội Khuyến học Việt Nam.

1.4. Tổ chức truyền thông về tình hình thực hiện và tuyên truyền gương các tập thể và cá nhân có kết quả tốt.

2. Hội Khuyến học huyện

2.1. Hằng năm xây dựng Kế hoạch hoạt động; phối hợp với Phòng Giáo dục và Đào tạo tham mưu Ủy ban nhân dân huyện, thị xã thành phố chỉ đạo Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn chủ trì, phối hợp với Hội Khuyến học cấp xã và các cơ sở giáo dục tổ chức đăng ký, đánh giá, công nhận các Danh hiệu “Công dân học tập”, “Gia đình học tập”, “Dòng họ học tập”, “Cộng đồng học tập” cấp thôn/bản/tổ dân phố ở cơ sở.

2.2. Hằng năm chỉ đạo và hướng dẫn Hội Khuyến học cấp xã phối hợp với các cơ sở giáo dục tham mưu Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn chủ trì, phối hợp với Hội Khuyến học cấp xã và các cơ sở giáo dục hướng dẫn cho tổ trưởng tổ dân phố/bản/thôn và Chi hội khuyến học, ban khuyến học tổ chức cho các gia đình, dòng họ, thôn/bản/tổ dân phố và đơn vị trên địa bàn xã đăng ký các Danh hiệu; theo dõi, giám sát, tổ chức đánh giá, công nhận các Danh hiệu.

2.3. Phối hợp với Phòng Giáo dục và Đào tạo kiểm tra tình hình thực hiện ở địa phương. Tổ chức tổng hợp báo cáo kết quả hàng năm với UBND huyện, thị xã, thành phố.

3. Hội Khuyến học xã

3.1. Hằng năm tham mưu Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn chỉ đạo các Trưởng thôn/bản/tổ dân phố chủ trì, phối hợp với Chi hội khuyến học cơ sở và Ban công tác mặt trận và các tổ chức liên quan hướng dẫn đăng ký các mô hình học tập, tổ chức bình xét “Công dân học tập”, “Gia đình học tập”, đề nghị công nhận “Cộng đồng học tập” cấp thôn/bản/tổ dân phố.

3.2. Hằng năm tham mưu Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn chủ trì, chỉ đạo Hội Khuyến học cấp xã hướng dẫn tổ chức đăng ký mô hình học tập và đánh giá, đề nghị công nhận mô hình “Dòng họ học tập”.

3.3. Hằng năm tổng hợp danh sách đề nghị của các Trưởng thôn/bản/tổ dân phố và trình Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn quyết định công nhận các Danh hiệu “Công dân học tập”, “Gia đình học tập” và “Cộng đồng học tập” cấp thôn/bản/tổ dân phố, “Dòng họ học tập” trên địa bàn cấp xã.

4. Công tác báo cáo tổng hợp hằng năm

4.1 Báo cáo tổng hợp về kết quả xây dựng các mô hình học tập ở cấp xã

cần bảo đảm đủ các số liệu trong bảng thống kê dưới đây:

Gia đình học tập	Số gia đình trên địa bàn cấp xã	Số gia đình đạt danh hiệu “Gia đình học tập”	Tỷ lệ % GDHT/Gia đình trong xã	
Dòng họ học tập	Số dòng họ trên địa bàn cấp xã	Số dòng họ đạt danh hiệu “Dòng họ học tập”	Tỷ lệ % DHHT/Dòng họ trong xã	
Cộng đồng học tập	Số thôn, bản, tổ dân phố trên địa bàn cấp xã	Số thôn, bản, tổ dân phố trên địa bàn cấp xã đạt danh hiệu “Cộng đồng học tập”	Tỷ lệ % CDHT/Cộng đồng trong xã	
Đơn vị học tập	Số cơ quan, trường học, tổ sản xuất, doanh nghiệp trên địa bàn xã	Số cơ quan, trường học, tổ sản xuất, doanh nghiệp trên địa bàn xã đạt danh hiệu “Đơn vị học tập”	Tỷ lệ % ĐVHT/Đơn vị trong xã	
Công dân học tập	Tổng số công dân trên địa bàn xã	Tổng số công dân trong gia đình đạt danh hiệu “Gia đình học tập”	Tỷ lệ % CDHT/công dân trong xã	Tỷ lệ % CDHT/công dân trong gia đình học tập

4.2. Hằng năm, Hội Khuyến học các cấp (xã, huyện, tỉnh) tổng hợp hồ sơ, danh sách công nhận các Danh hiệu học tập theo quy định tại Quyết định 387/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2022 và Quyết định số 677/QĐ-TTg ngày 03/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ, báo cáo cấp trên và Trung ương Hội theo quy định. Kết quả công nhận tổng hợp báo cáo Hội Khuyến học cấp trên trực tiếp nơi đơn vị đó đăng ký sinh hoạt (trực thuộc) để tổng hợp.

4.3. Trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình 387 và Chương trình 677, nếu có vướng mắc phát sinh, Hội Khuyến học các cấp trao đổi, tổng hợp ý kiến, báo cáo về Hội Khuyến học tỉnh để Hội Khuyến học tỉnh tổng hợp, báo cáo và đề xuất với Trung ương Hội xem xét, điều chỉnh phù hợp./.

Nơi nhận:

- Hội KH các huyện, thị xã, TP;
- Các UV BCH Hội KH tỉnh (E.mail);
- Ban Khuyến học các cơ quan của tỉnh;
- Lưu VP.

**TM. BTV HỘI KHUYẾN HỌC TỈNH
CHỦ TỊCH**



Vừ A Bằng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Phụ lục

MẪU ĐĂNG KÝ THAM GIA XÂY DỰNG MÔ HÌNH
“CÔNG DÂN HỌC TẬP”

TT	Họ và tên <i>Điện thoại</i>	Ngày sinh		Dân tộc	Đơn vị	Địa chỉ	Giai đoạn
		Nam	Nữ				
...

Tôi tự nguyện phấn đấu, học tập để trở thành “Công dân học tập” theo Bộ tiêu chí gồm 3 năng lực cốt lõi và 10 chỉ số đánh giá như hướng dẫn.

....., ngày tháng năm ...

Ký tên

MẪU ĐĂNG KÝ THAM GIA XÂY DỰNG MÔ HÌNH
“CÔNG DÂN HỌC TẬP”

Tên tổ dân phố/bản/thôn (tên chủ hộ).....

Stt	Họ và tên	Ngày sinh		Dân tộc	Địa chỉ	Số điện thoại	Giai đoạn	Ký tên
		Nam	Nữ					

Chúng tôi tự nguyện phấn đấu, học tập để trở thành “Công dân học tập” theo Bộ tiêu chí gồm 3 năng lực cốt lõi và 10 chỉ số đánh giá như hướng dẫn.

....., ngày tháng năm ...

Ký tên (người đại diện)

Ghi chú: Các cơ sở có thể lựa chọn vận dụng một trong 2 mẫu đăng ký để phù hợp thực tế.

Phu lục

HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ, CHO ĐIỂM VÀ CÔNG NHẬN “GIA ĐÌNH HỌC TẬP”, “DÒNG HỌ HỌC TẬP”, “CỘNG ĐỒNG HỌC TẬP” cấp thôn/bản/tổ dân phố... VÀ “ĐƠN VỊ HỌC TẬP” trên địa bàn cấp xã.

A. HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ, CHO ĐIỂM VÀ CÔNG NHẬN “GIA ĐÌNH HỌC TẬP”

	Tiêu chí	Chỉ số đánh giá (giai đoạn 2021 - 2030)	Điểm tối đa	Các minh chứng	Gợi ý cho điểm
1	Kết quả học tập của gia đình (60điểm)	- Trẻ em ở độ tuổi đi học đều được đến trường, hoàn thành phổ cập giáo dục theo quy định.	10	- Trẻ 5 tuổi được đi học mầm non - Trẻ 6 tuổi đi học lớp 1 - Trẻ từ 11-14 tuổi phải hoàn thành chương trình tiểu học - Trẻ từ 15-18 tuổi phải tốt nghiệp THCS.	- Nếu gia đình đạt chỉ số quy định: 10 điểm. - Tùy theo mức độ thực hiện trong chỉ số để cho điểm từ 0 đến 10 điểm
		- Kết quả học tập của học sinh, sinh viên đạt yêu cầu do Bộ GD-ĐT quy định. Ngay từ bậc tiểu học, trẻ em đã có kỹ năng tối thiểu học tập trực tuyến do nhà trường tổ chức theo quy định.	10	- Kết quả đánh giá, xếp loại học lực năm học liền kề trước của các nhà trường nơi học sinh, sinh viên trong gia đình học.	- Nếu gia đình đạt các chỉ số thì được 10 điểm. - Tùy theo mức độ thực hiện trong chỉ số để cho điểm từ 0 đến 10 điểm
		- Hạnh kiểm của học sinh, sinh viên phải đạt yêu cầu theo quy định của Bộ GD-ĐT. Trẻ em phải lễ phép với mọi người trong gia đình, khu dân cư và ngoài xã hội; Đoàn viên thanh niên phải hoàn thành tốt nhiệm vụ và chỉ tiêu phấn đấu theo quy định của tổ chức Đoàn TNCSHCM; tích cực tham gia các hoạt động chung ở địa phương nơi cư trú.	10	- Kết quả đánh giá, xếp loại hạnh kiểm năm học liền kề trước tại các nhà trường nơi học sinh, sinh viên trong gia đình học. - Nhận xét của trưởng thôn/bản/tổ dân phố. - Tự đánh giá của gia đình.	- Nếu đạt các chỉ số quy định: 10 điểm. - Tùy theo mức độ thực hiện trong chỉ số để cho điểm từ 0 đến 10 điểm

		- 100% người trong độ tuổi từ 16-60 đạt chuẩn biết chữ mức độ 2 trở lên theo quy định; đối với vùng núi, vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn từ 90% trở lên. Người cao tuổi tham gia học tập ít nhất 01 nội dung bổ ích, phục vụ cho cuộc sống hàng ngày.	15	- Số điều tra phổ cập giáo dục và xóa mù chữ. - Bản đăng ký học 01 nội dung, dưới 01 hình thức học cụ thể (học từ xa, học tại Trung tâm học tập cộng đồng, Thư viện, Nhà văn hoá, Điểm bưu điện văn hóa xã, học tại các Câu lạc bộ hoặc học tại nhà, học qua sách, báo, đài phát thanh, ti vi hoặc qua mạng internet ...) của thành viên trong gia đình. - Tự đánh giá của thành viên trong gia đình.	- Nếu gia đình đạt chỉ số quy định thì được 15 điểm. Nếu có 01 người lớn từ 19 đến 60 tuổi chưa đạt chỉ số thì sẽ trừ 5 điểm.
		- 90% trở lên cán bộ, công chức, viên chức trong gia đình được đào tạo, bồi dưỡng về chuyển đổi số, kỹ năng số và chuyên môn theo quy định của Nhà nước; - 70% trở lên người lớn là cán bộ, công chức, viên chức, người lao động được học tập các chương trình giáo dục kỹ năng sống; - 40% trở lên người lớn trong gia đình đạt danh hiệu công dân học tập;	15	- Xác nhận của cơ quan/đơn vị đối với người lớn là cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, chiến sĩ trong các cơ quan/đơn vị đã hoàn thành nhiệm vụ học tập theo yêu cầu.	- Gia đình đạt các chỉ số quy định được 15 điểm. - Nếu không đạt chỉ số thì cho 0 điểm
2	Điều kiện học tập của gia đình (20 điểm)	- Mọi người trong gia đình giúp đỡ nhau, tạo điều kiện học tập tại trường học, trung tâm học tập cộng đồng, nhà văn hóa, thư viện..., dự các hội nghị, hội thảo. Có hình thức khen thưởng, động viên các thành viên trong gia đình tích cực tự học, học tập thường xuyên.	10	- Các hình thức giúp đỡ, động viên cụ thể mà gia đình đã thực hiện.	- Tùy theo sự đa dạng của các hình thức mà gia đình đã thực hiện sẽ cho đến tối đa 10 điểm. - Không có hình thức nào: 0 điểm
		- Gia đình có góc học tập cho trẻ em, có sách báo, TV, máy tính nối mạng hoặc điện thoại thông minh để mọi người có điều kiện tự học	10	- Các phương tiện cụ thể mà gia đình hiện có.	- Gia đình đạt các chỉ số quy định được 10 điểm. - Gia đình không có cán

		<p>và học tập thường xuyên.</p> <p>- Người lớn là cán bộ, công chức, viên chức trong gia đình biết ít nhất 01 ngoại ngữ hoặc tiếng dân tộc thiểu số (theo quy định) để sử dụng vào công việc...</p>		<p>- Kết quả thực tế đã học hoặc sử dụng.</p>	<p>bộ, công chức viên chức thì chỉ số thành phần 1 là 10 điểm.</p> <p>- Nếu gia đình có CB, CC, VC nhưng không biết ngoại ngữ và hoặc sử dụng tiếng dân tộc thì 2 chỉ số thành phần này tính 8 điểm</p> <p>- Không đạt 2 chỉ số: 0 điểm</p>
3	<p>Tác động của học tập Đối với gia đình (20 điểm)</p>	<p>- Biết xây dựng và thực hiện kế hoạch sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, góp phần tích cực phát triển kinh tế ở địa phương. Gia đình thoát nghèo hoặc có cuộc sống khá trở lên, ai cũng có nghề hoặc việc làm ổn định (trừ những người đã hết tuổi lao động).</p>	10	<p>- Thu nhập hàng năm của gia đình hoặc xác nhận của địa phương.</p> <p>- Tự đánh giá của gia đình.</p>	<p>- Nếu đạt chỉ số quy định thì được 10 điểm.</p> <p>- Tùy mức độ đạt được dưới quy định để cho từ 5 đến 9 điểm.</p> <p>- Nếu gia đình làm giàu không chính đáng, bị pháp luật xử lý sẽ bị điểm liệt.</p>
		<p>- Gia đình sống hòa thuận, gắn bó, chia sẻ với các gia đình trong thôn, bản, tổ dân phố. Tích cực tham gia công tác khuyến học, các cuộc vận động như “toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư”, “toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” và các phong trào khác ở địa phương. Tích cực gìn giữ môi trường xanh, sạch, đẹp; thực hiện tốt quy định của pháp luật.</p>	10	<p>- Nhận xét của trưởng thôn/bản/tổ dân phố.</p> <p>- Tự đánh giá của gia đình.</p>	<p>- Tùy theo mức độ tích cực tham gia của gia đình mà cho đến tối đa 10 điểm.</p>

Ghi chú: Đối với những gia đình không còn trẻ em trong độ tuổi đi học hoặc không có sinh viên thì đương nhiên sẽ được 30 điểm đối với

3 chỉ số về học sinh của tiêu chí 1.

B. HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ, CHO ĐIỂM VÀ CÔNG NHẬN “DÒNG HỌ HỌC TẬP”

	Tiêu chí	Chỉ số đánh giá (giai đoạn 2021 - 2030)	Điểm tối đa	Các minh chứng	Gợi ý cho điểm
1	Kết quả học tập của dòng họ (55 điểm)	- 80% trở lên số gia đình trong dòng họ đạt danh hiệu “Gia đình học tập”. (60% trở lên đối với vùng núi, vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn). - Trẻ khuyết tật cũng được học tập (trừ trường hợp ốm đau, bệnh tật quá nặng hoặc không có khả năng học tập). - 90% trở lên đoàn viên, thanh niên trong dòng họ theo học các khóa ngắn hạn để có kỹ năng sử dụng các thiết bị điện tử phục vụ cho công việc.	20	- Số hộ gia đình trong dòng họ được công nhận “Gia đình học tập”. - Đánh giá của tổ chức Đoàn cơ sở	- Nếu đạt tất cả các chỉ số: 20 điểm. - Nếu đạt 2 chỉ số về học tập trở lên thì được 15 điểm. - Nếu đạt chỉ số đoàn viên, TN học tập thì được 5 điểm.
		-100% người trong độ tuổi từ 16-60 đạt chuẩn biết chữ mức độ 2 trở lên theo quy định; đối với vùng núi, vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn từ 90% trở lên	15	- Hồ sơ phổ cập giáo dục của xã, phường, thị trấn	- Nếu đạt chỉ số quy định thì được 15 điểm. - Tùy theo mức độ thực hiện trong chỉ số để cho điểm đến tối đa 15 điểm
		- 40% trở lên người lớn trong dòng họ đạt danh hiệu “Công dân học tập”	20	- Kết quả công nhận Công dân học tập của xã, của cơ quan	- Nếu đạt chỉ số theo quy định trở lên thì được 20 điểm. - Nếu không đạt chỉ số thì cho điểm 0.
		- Dòng họ có nhiều hình thức động		- Các hình thức động viên, khen	- Tùy theo sự đa dạng

2	Điều kiện học tập của dòng họ (25 điểm)	viên, khen thưởng kịp thời đối với những thành viên có tinh thần tự học và tham gia học tập thường xuyên, giúp đỡ các gia đình khó khăn, bảo đảm con em trong dòng họ đều được đi học và đạt yêu cầu của Bộ GDĐT.	15	thưởng cụ thể mà dòng họ đã thực hiện.	của các hình thức mà dòng họ đã thực hiện sẽ cho 5-10 hoặc 15 điểm.
		- Quỹ Khuyến học của dòng họ đạt từ 32.000- 35.000 đồng/đầu người và ngày càng tăng.	10	- Quỹ khuyến học của dòng họ đã có trong năm.	- Quỹ Khuyến học đạt chỉ số quy định: 10 điểm - Tùy theo mức độ thực hiện trong chỉ số để cho điểm từ 0 đến 10 điểm
3	Tác dụng học tập đối với dòng họ (20 điểm)	- Trong dòng họ không có hộ nghèo. Các gia đình trong dòng họ đoàn kết, giúp đỡ nhau trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ. Mọi người trong độ tuổi lao động đều có nghề hoặc việc làm ổn định.	10	- Thu nhập hàng năm của các gia đình trong dòng họ hoặc xác nhận của địa phương. - Tự đánh giá của các gia đình trong dòng họ.	- Nếu đạt chỉ số: 10 điểm - Nếu đạt chỉ số, nhưng còn hộ nghèo: 8 điểm - Nếu 01 gia đình trong dòng họ làm giàu không chính đáng, bị pháp luật xử lý sẽ bị điểm liệt.
		- Dòng họ tích cực tham gia các phong trào: xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh, toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư; <i>phát triển văn hóa đọc, HTSD trong TTHTCD, nhà văn hóa, thư viện...</i> và các phong trào khác liên quan của địa phương.	10	- Nhận xét của trưởng thôn/bản/ấp/tổ dân phố. - Tự đánh giá của dòng họ.	- Tùy theo mức độ tích cực tham gia của dòng họ mà cho không quá 10 điểm.

Ghi chú: Dòng họ được hiểu là một cộng đồng bao gồm các gia đình cùng huyết thống sinh sống trong phạm vi một xã/huyện, không phải là đại gia đình, chung sống 2, 3, 4 đời)

**C. HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ, CHO ĐIỂM VÀ CÔNG NHẬN
“CỘNG ĐỒNG HỌC TẬP” cấp thôn/bản/tổ dân phố ...**

	Tiêu chí	Chỉ số đánh giá (giai đoạn 2021 - 2030)	Điểm tối đa	Các minh chứng	Gợi ý cho điểm
1	Kết quả học tập của cộng đồng (50điểm)	- 80% trở lên số gia đình trong thôn bản/tổ dân phố đăng ký đạt danh hiệu “Gia đình học tập” (60% đối với vùng núi, vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn); trong đó 70% trở lên số gia đình đăng ký đạt danh hiệu “Gia đình học tập”.	20	- Số hộ gia đình trong thôn/bản/tổ dân phố. Số hộ gia đình đăng ký và số hộ gia đình được công nhận “Gia đình học tập”.	- Nếu đạt chỉ số đánh giá quy định trở lên thì được 20 điểm. - Tùy theo mức độ thực hiện trong chỉ số để cho điểm đến tối đa 20 điểm
		- 40% trở lên người trong độ tuổi lao động đạt danh hiệu công dân học tập - 90% trở lên đoàn viên, thanh niên trong cộng đồng theo học các khóa ngắn hạn để có kỹ năng sử dụng các thiết bị điện tử phục vụ cho công việc.	20	- Xếp loại CDHT của xã, của cơ quan - Nhận xét của Đoàn cơ sở	- Nếu đạt các chỉ số quy định: 20 điểm. - Nếu không đạt chỉ số thì cho 0 điểm
		- 100% người lớn học tập thường xuyên tối thiểu đạt chuẩn biết chữ mức độ 1 - 100% người trong độ tuổi từ 16-60 đạt chuẩn biết chữ mức độ 2 trở lên theo quy định; đối với vùng núi, vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn từ 90% trở lên.	10	- Hồ sơ phổ cập của xã	- Mỗi chỉ số tối đa 5 điểm
2	Điều kiện học tập của cộng đồng (30điểm)	Chi bộ đảng và thôn/ bản/tổ dân phố có kế hoạch và chỉ tiêu phấn đấu xây dựng các mô hình: gia đình học tập, cộng đồng học tập, công dân học tập.	10	- Nghị quyết/kế hoạch hằng năm của Chi bộ, thôn/bản/tổ dân phố.	- Tùy theo mức độ thực hiện trong chỉ số để cho điểm đến tối đa 10 điểm

		Chi hội Khuyến học của thôn bản/tổ/dân phố có nhiều hình thức động viên, khen thưởng kịp thời với những người tích cực học tập thường xuyên. Quỹ khuyến học của thôn bản/tổ dân phố đạt mức từ 32.000đ - 35.000đ/đầu người và ngày càng tăng lên.	10	- Các hình thức giúp đỡ, khuyến khích, động viên cụ thể mà thôn/bản/ấp/tổ dân phố đã thực hiện.	- Nếu đạt chỉ số quy định: 10 điểm. - Tùy theo mức độ thực hiện trong chỉ số để cho điểm đến tối đa 10 điểm
		Trong thôn/ bản/tổ dân phố có ít nhất 02 trong các phương tiện học tập cộng đồng (tủ sách, thư viện, phòng sinh hoạt chung, phương tiện truyền thanh, truyền hình, máy tính...)	10	Cơ sở vật chất của thôn , bản , tổ dân phố	Có ít nhất 2 phương tiện trở lên: 10 điểm. Có một phương tiện thì 5 điểm.
3	Tác dụng của học tập đối với cộng đồng (20 điểm)	Trong thôn/ bản/tổ dân phố, mọi người trong tuổi lao động ai cũng có việc làm. Không có hộ nghèo.	10	- Thu nhập hàng năm của các gia đình trong thôn/bản/ấp/tổ dân phố. - Xác nhận của xã.	- Nếu đạt chỉ số quy định: 10 điểm - Nếu ai cũng có việc làm, vẫn còn hộ nghèo thì sẽ được 8 điểm. - Nếu 01 gia đình trong cộng đồng làm giàu không chính đáng, bị xử lý theo pháp luật thì sẽ bị điểm liệt.
		Nhân dân trong thôn bản/tổ dân phố tích cực tham gia học tập tại THTCD, nhà văn hóa, thư viện; triển khai/tham gia các cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa khu dân cư, “xây dựng nông thôn mới”, “xây dựng khu đô thị văn minh”;	10	- Nhận xét của Ủy ban nhân dân xã và các tổ chức, đoàn thể trong xã. - Tự đánh giá của thôn/bản/tổ dân phố.	- Tùy theo mức độ tích cực triển khai/tham gia của cộng đồng sẽ cho không quá 10 điểm.

D. HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ, CHO ĐIỂM VÀ CÔNG NHẬN “ĐƠN VỊ HỌC TẬP”

(cơ quan, cơ sở sản xuất, doanh nghiệp trên địa bàn cấp xã không trong Quy định tại Thông tư 24/2023/TT-BGDĐT...)

	Tiêu chí	Chỉ số đánh giá (giai đoạn 2021 - 2030)	Điểm tối đa	Các minh chứng	Gợi ý cho điểm
1	Kết quả học tập của đơn vị (50 điểm)	- 90% trở lên cán bộ, công chức, viên chức được học tập những kỹ năng sống cần thiết	10	- Bản đăng ký nội dung học và hình thức học trong năm của các thành viên trong đơn vị (học từ xa, học tại Trung tâm học tập cộng đồng, Thư viện, Nhà văn hoá, Điểm bưu điện văn hóa xã, học tại các Câu lạc bộ hoặc học tại nhà, học qua sách, báo, đài phát thanh, ti vi hoặc qua mạng internet ...) - Tự đánh giá của thành viên trong đơn vị.	- Tùy theo mức độ thực hiện trong chỉ số để cho điểm đến tối đa 10 điểm
		- 90% trở lên cán bộ, công chức, viên chức tham gia học tập các chương trình theo quy định của nhà nước, của đơn vị hoặc của đoàn thể. - 90% trở lên lao động trong các doanh nghiệp, cơ quan, đoàn thể có trình độ trung học phổ thông hoặc tương đương trở lên.	10	- Danh sách các thành viên trong đơn vị kèm theo trình độ chuyên môn/văn hóa/đào tạo nghề	- Đạt các chỉ số quy định: 10 điểm - Tùy theo mức độ thực hiện trong chỉ số để cho điểm đến tối đa 10 điểm
		- 90% trở lên cán bộ, công chức, viên chức được đào tạo về chuyên đổi số, kỹ năng số để sử dụng các thiết bị số trong công việc; - 40% trở lên cán bộ, công chức, viên chức có trình độ ngoại ngữ hoặc tiếng dân tộc thiểu số đáp ứng yêu cầu công	10	- Danh sách các thành viên trong đơn vị kèm theo trình độ tin học, ngoại ngữ hoặc khóa đào tạo hoặc thực tế khả năng giao tiếp	- Nếu đạt quy định của chỉ số đánh giá trở lên thì được 10 điểm. Nếu đạt: - Tùy theo mức độ thực hiện trong chỉ số để cho điểm đến tối đa 10 điểm

		việc.			
		- 60% trở lên cán bộ, công chức, viên chức đạt danh hiệu “Công dân học tập”	20	Quyết định công nhận danh hiệu Công dân học tập của cơ quan, đơn vị	- Nếu đạt quy định của chỉ số đánh giá trở lên thì được 20 điểm. - Nếu không đạt chỉ số này thì 0 điểm
2	Điều kiện học tập của đơn vị (30 điểm)	- Cấp ủy và lãnh đạo đơn vị có kế hoạch, có chỉ tiêu thi đua hàng năm đối với việc học tập trong đơn vị, tạo môi trường thuận lợi để các thành viên phấn đấu trở thành công dân học tập; - Các tổ chức đoàn thể trong đơn vị có giải pháp và trách nhiệm động viên, thúc đẩy thành viên của mình học tập thường xuyên đạt kết quả tốt.	10	- Nghị quyết/Kế hoạch/Chỉ tiêu phấn đấu của Chi ủy Đảng, tổ dân phố bản và các tổ chức đoàn thể trong đơn vị - Tiêu chí thi đua, đánh giá, đề bạt cán bộ của đơn vị	- Đạt các chỉ số quy định: 10 điểm. - Tùy theo mức độ thực hiện trong chỉ số để cho điểm đến tối đa 10 điểm
		6. Đơn vị có các phương tiện phục vụ cho việc học tập thường xuyên của các thành viên, nhất là các trang thiết bị kỹ thuật số để học tập và truy cập thông tin chính thống trên mạng internet.	10	- Các phương tiện cụ thể có ở đơn vị	- Tùy theo sự đa dạng của các phương tiện có ở đơn vị để cho đến tối đa 10 điểm.
		7. Tổ chức khuyến học của đơn vị hoạt động có nề nếp, hiệu quả. Xây dựng Quỹ khuyến học của đơn vị, phấn đấu đạt mức bình quân từ 32.000đ – 35.000đ/đầu người và ngày càng tăng.	10	- Báo cáo hoạt động của tổ chức Khuyến học - Quỹ khuyến học của đơn vị	- Nếu đạt các chỉ số quy định: 10 điểm. - Tùy theo mức độ thực hiện trong chỉ số để cho điểm đến tối đa 10 điểm

3	Tác dụng của học tập đối với đơn vị (20 điểm)	8. Hằng năm, đơn vị đạt danh hiệu thi đua từ “Tập thể lao động tiên tiến” trở lên. Hoàn thành tốt nhiệm vụ, nghĩa vụ với Nhà nước; không vi phạm pháp luật. Các thành viên trong đơn vị tích cực tham gia các cuộc vận động trong cộng đồng.	10	- Quyết định công nhận kết quả xét thi đua hằng năm của cấp trên	- Nếu đạt các chỉ số: 10 điểm - Tùy theo mức độ thực hiện trong chỉ số để cho điểm đến tối đa 10 điểm - Nếu đơn vị vi phạm pháp luật bị xử lý thì sẽ bị điểm liệt
		9. Gia đình của các thành viên thuộc đơn vị đều đăng ký phần đầu xây dựng “gia đình học tập”, trong đó 80% gia đình cán bộ, công chức, viên chức đạt danh hiệu “Gia đình học tập”.	10	Kết quả bình xét “Gia đình học tập” trong năm của các thành viên tại nơi cư trú.	- Nếu đạt chỉ số quy định thì được 10 điểm. - Tùy theo mức độ thực hiện trong chỉ số để cho điểm đến tối đa 10 điểm

